

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ 3

MÃ HỌC PHẦN: MEC - 316

TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 10/11/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
1	132210154	HỒ CÔNG BÌNH	T15XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Baur		
2	132210239	NGUYỄN HỒNG SƠN	T15XDD1	0				0				HP	0.0	Kháng		
3	152210164	ĐÌNH QUANG KHÁNH	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
4	152210166	DƯƠNG QUỐC LỊNH	T15XDD1	10				8.5				7	8.0	Tam		
5	152210174	PHAN HOÀI TRỊNH	T15XDD1	10				7.5				7.5	8.0	Tam		
6	152210175	NGUYỄN BÌNH	T15XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Baur		
7	152210176	PHẠM XUÂN BA	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
8	152210177	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
9	152210178	NGUYỄN THÀNH DUY	T15XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Baur		
10	152210181	BÙI VĂN LỰC	T15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tam pháp Ba		
11	152210182	NGUYỄN HỘP	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
12	152210184	PHẠM TÚ	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
13	152210185	HUỶNH KIM NAM	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
14	152210190	THÁI ĐỊNH	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
15	152210193	NGÔ NHẬT THẾ DŨNG	T15XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Baur		
16	152210199	NGUYỄN MINH ĐỨC	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
17	152210200	LÊ QUANG	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
18	152210203	NGUYỄN TẤN KHÔI	T15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tam pháp Ba		
19	152210206	NGUYỄN VĂN VŨ	T15XDD1	10				8.5				6	7.4	Bay pháp Baur		
20	152210207	NGUYỄN NGỌC PHÚ	T15XDD1	10				8				6.5	7.6	Bay pháp Sầu		
21	152210209	TRẦN CÔNG DO	T15XDD1	7				7.5				7.5	7.4	Bay pháp Baur		
22	152210210	NGUYỄN NHƯ NHẬN	T15XDD1	10				8				6	7.3	Bay pháp Ba		
23	152210216	NGUYỄN VĂN LONG	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
24	152210220	PHẠM HOÀNG DŨNG	T15XDD1	10				8				6	7.3	Bay pháp Ba		
25	152210221	ĐÌNH VĂN TRƯỜNG	T15XDD1	10				8.5				8	8.5	Tam pháp Nam		
26	152210224	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
27	152210225	NGUYỄN TRẦN TOÀN	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
28	152210228	LÊ MINH THIÊN	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
29	152210231	NGUYỄN THÀNH VIÊN	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
30	152210233	VÕ NGỌC LŨU	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
31	152210238	NGUYỄN HỮU THỌ	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
32	152210240	THÁI XUÂN TRUNG	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		
33	152210241	TRẦN ĐẠI NGHĨA	T15XDD1	10				8.5				7	8.0	Tam		
34	152210246	HUỶNH VĂN TUẤN	T15XDD1	10				8.5				6	7.4	Bay pháp Baur		
35	152210249	PHAN NGỌC TIẾN	T15XDD1	10				7.5				6.5	7.5	Bay pháp Nam		
36	152210250	NGUYỄN TRƯỜNG VINH	T15XDD1	10				7.5				7	7.7	Bay pháp Bay		
37	152210253	NGUYỄN THỊ NGỌC	T15XDD1	10				8.5				8.5	8.8	Tam pháp Tam		
38	152210257	NGUYỄN NGỌC MINH	T15XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp Chên		
39	152210258	TRẦN VIỆT LINH	T15XDD1	10				8				6	7.3	Bay pháp Ba		
40	152210261	VÕ THANH QUANG	T15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tam pháp Mâu		

Ngày thi: 10/11/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	152210263	VÕ HỮU	QUYẾT	T15XDD1	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
42	152210269	LÊ KIM	HOÀNG	T15XDD1	7					7.5				6.5	6.9	Sáu phẩy Chèn	
43	152210272	CAO VĂN	BÌNH	T15XDD1	10					8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba	
44	152220331	NGUYỄN TUÔNG	AN	T15XDD1	7					7.5				6.5	6.9	Sáu phẩy Chèn	
45	152220352	NGÔ TIẾN	HÀ	T15XDD1	10					8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba	
46	152220363	NGUYỄN THANH	TUẤN	T15XDD1	10					8				9	9.0	Chèn	
47	152220378	TRẦN ĐÌNH	SANG	T15XDD1	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
48	132210155	NGUYỄN THANH	BÌNH	T15XDD2	0					0				HP	0.0	Khăng	
49	132210223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T15XDD2	10					7				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
50	142210241	NGUYỄN HỮU	QUỐC	T15XDD2	0					0				HP	0.0	Khăng	
51	142210262	TẠ ĐÌNH	THỨC	T15XDD2	10					7				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
52	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	10					7				8	8.2	Tám phẩy Hai	
53	152210167	PHẠM CÔNG	ĐỨC	T15XDD2	10					7				7.5	7.9	Bảy phẩy Chèn	
54	152210169	TRẦN MINH	TUẤN	T15XDD2	10					7				7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
55	152210171	TRẦN HỒNG	QUANG	T15XDD2	10					8.5				7	8.0	Tám	
56	152210172	NGUYỄN	HOÀNG	T15XDD2	0					0				HP	0.0	Khăng	
57	152210180	ĐINH PHƯỚC	TOÀN	T15XDD2	10					7				8	8.2	Tám phẩy Hai	
58	152210183	NGUYỄN TUẤN	ANH	T15XDD2	10					8				7.5	8.1	Tám phẩy Máu	
59	152210187	ĐỖ XUÂN	CƯỜNG	T15XDD2	10					8				7.5	8.1	Tám phẩy Máu	
60	152210188	NGUYỄN VĂN	THÀNH	T15XDD2	10					8				6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
61	152210189	LÊ HỮU	CƯỜNG	T15XDD2	7					7				6	6.5	Sáu phẩy Năm	
62	152210191	DƯƠNG HỒNG	THỌ	T15XDD2	10					7				7.5	7.9	Bảy phẩy Chèn	
63	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	10					7				7.5	7.9	Bảy phẩy Chèn	
64	152210197	PHAN XUÂN	MINH	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
65	152210198	PHAN UYÊN	VŨ	T15XDD2	10					8				6	7.3	Bảy phẩy Ba	
66	152210208	BÙI VĂN	ĐỨC	T15XDD2	7					7				7	7.0	Bảy	
67	152210211	ĐẶNG NGỌC	LĨNH	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
68	152210212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD2	10					8				6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
69	152210213	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	T15XDD2	7					7				7	7.0	Bảy	
70	152210214	NGUYỄN QUỲNH	KHÁNH	T15XDD2	7					7				7	7.0	Bảy	
71	152210215	LƯU SON	TRÀ	T15XDD2	10					8				8	8.4	Tám phẩy Bốn	
72	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	7					7				7	7.0	Bảy	
73	152210222	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	T15XDD2	10					8.5				7	8.0	Tám	
74	152210223	TRƯƠNG CÔNG	LUẬN	T15XDD2	10					8				8	8.4	Tám phẩy Bốn	
75	152210226	ĐỖ QUANG	CHÍN	T15XDD2	7					7				7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
76	152210227	TRẦN ÁI	QUỐC	T15XDD2	7					7				6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
77	152210229	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
78	152210230	LÊ MINH	HẢI	T15XDD2	10					8				6	7.3	Bảy phẩy Ba	
79	152210234	NGUYỄN HỮU	VIỆT	T15XDD2	10					8				6	7.3	Bảy phẩy Ba	
80	152210235	HÀ TÂN	NGHIỆP	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
81	152210239	TRẦN	MAY	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bảy phẩy Chèn	
82	152210242	VÔ ĐÌNH	BÁCH	T15XDD2	10					8				6	7.3	Bảy phẩy Ba	
83	152210243	NGUYỄN QUỐC	KHẢI	T15XDD2	10					8				6	7.3	Bảy phẩy Ba	

Ngày thi: 10/11/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	152210244	LÊ THANH	VŨ	T15XDD2	10					8				8	8.4	Tạm hoãn Bức	
85	152210247	ĐẶNG SĨ	TRỌNG	T15XDD2	7					7				HP	0.0	Không	
86	152210252	VÕ TRƯỜNG	QUỲNH	T15XDD2	10					8				8.5	8.7	Tạm hoãn Bay	
87	152210254	NGUYỄN HỒNG	PHONG	T15XDD2	0					0				HP	0.0	Không	
88	152210256	TRẦN ĐĂNG	KHOA	T15XDD2	10					8.5				8	8.5	Tạm hoãn Năm	
89	152210259	HỒ VĂN	DŨNG	T15XDD2	10					8.5				7	8.0	Tạm	
90	152210260	TRẦN VĂN	DŨNG	T15XDD2	10					7.5				7	7.7	Bay hoãn Bay	
91	152210262	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bay hoãn Chèn	
92	152210265	VÕ TIẾN	DŨNG	T15XDD2	10					7.5				7	7.7	Bay hoãn Bay	
93	152210267	NGUYỄN CÔNG	QUÂN	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bay hoãn Chèn	
94	152210270	TRẦN BÌNH	TRUNG	T15XDD2	10					8				6.5	7.6	Bay hoãn Sâu	
95	152220342	TRẦN THANH	SƠN	T15XDD2	10					7.5				7	7.7	Bay hoãn Bay	
96	152220346	TRẦN THANH	NHÃ	T15XDD2	10					8.5				7	8.0	Tạm	
97	152220391	HÀ VĂN	LỰC	T15XDD2	10					8				7	7.9	Bay hoãn Chèn	
1	4421	NGUYỄN PHÚC	CƯỜNG	K13XDD3	10					8				8	8.4	Tạm hoãn Bức	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	92	94%	
2	Số sinh viên nợ	6	6%	
TỔNG CỘNG :		98	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú